

Số: **1850**/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **06** tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính  
nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh Trà Vinh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 318/TTr-SNV ngày 10/8/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh Trà Vinh.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND cấp huyện;
- BLĐVP;
- Phòng THNV (thực hiện);
- Phòng HC-QT;
- Lưu: VT, NC. **03**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Hân**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **CHƯƠNG TRÌNH**

### **Tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh Trà Vinh**

*(kèm theo Quyết định số: 1850 /QĐ-UBND ngày 06/9/2021  
của UBND tỉnh Trà Vinh)*

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính, từ đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động hành chính; tiếp tục rút ngắn các thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là TTHC), đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính; đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (sau đây viết tắt là CBCCVV) có phẩm chất đạo đức, trình độ năng lực, phù hợp với vị trí việc làm để thực hiện nhiệm vụ, công vụ, tận tụy phục vụ Nhân dân. Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (sau đây viết tắt là CCHC) nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh Trà Vinh như sau:

### **I. MỤC TIÊU CHUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

1. Đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách nền hành chính tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2030 theo hướng dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, liêm chính, phục vụ Nhân dân trên cơ sở các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng.

2. Tổ chức triển khai, quán triệt đồng bộ, nhất quán trong toàn cơ quan, CBCCVV, người lao động và người dân tỉnh Trà Vinh về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

3. Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của CBCCVV; vận động tối đa sự tham gia của Nhân dân vào quá trình hoạt động hành chính nhà nước; nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công; thiết lập môi trường hành chính bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch; tạo sự hài lòng và niềm tin đối với các nhà đầu tư, các tổ chức và Nhân dân với chính quyền các cấp trong tỉnh Trà Vinh.

### **II. NỘI DUNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 tập trung vào 6 nội dung trọng tâm, gồm: Cải cách thể chế, cải cách TTHC, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công và xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

## 1. Cải cách thể chế

### 1.1 Mục tiêu

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, đảm bảo thông suốt, hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực góp phần nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, trọng tâm là thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ; tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- Đến năm 2025:

+ Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, thể chế nhằm phát triển kinh tế; giải quyết tốt mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường, tập trung các cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh phát triển, đổi mới, sáng tạo.

+ Tổ chức chặt chẽ quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao chất lượng, đảm bảo công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh kịp thời, khả thi, sát hợp thực tế, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển Chính quyền số, Chính quyền điện tử, hướng tới nền kinh tế số và xã hội số.

+ Thực hiện thường xuyên, hiệu quả công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của tỉnh, kịp thời phối hợp, kiến nghị với Trung ương trong quá trình hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển của tỉnh.

- Đến năm 2030:

Hoàn thiện toàn diện và vận hành có hiệu quả hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, đảm bảo đồng bộ với hệ thống thể chế của nền hành chính hiện đại, thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tổ chức hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật và Hiến pháp đến toàn thể CBCCVC và người dân trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục nâng cao năng lực và chất lượng công tác tham gia xây dựng pháp luật, tiếp tục hoàn thiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và UBND các cấp nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ và khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật. Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- Rà soát, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và UBND các cấp, chú trọng rà soát các văn bản về tổ chức bộ máy và quản lý CBCCVC; về thu hút đầu tư; về đất đai, tài nguyên để tạo hành lang pháp lý thông suốt, rõ ràng góp phần phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, cụ thể hóa các văn bản pháp luật, chính sách đặc thù trên địa bàn tỉnh để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, kinh tế số, sản xuất thông minh, các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử, khởi nghiệp sáng tạo,...

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật, ban hành quy định và tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm trên địa bàn tỉnh. Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật. Đồng thời, đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật và thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

### **2.1. Mục tiêu**

Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp; TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước; rà soát, cắt giảm, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ và tối ưu hóa quy trình giải quyết TTHC trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; rà soát bãi bỏ, đề xuất bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Đẩy mạnh thực hiện TTHC trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

- Đến năm 2025:

+ Hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh phục vụ cho việc cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ công dân.

+ Năm 2021, hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực đạt tối thiểu tương ứng 30%, 20%, 15% đối với kết quả thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

+ Từ năm 2022 - 2025, tăng tỷ lệ số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đã được giải quyết, mỗi năm thêm 20% (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã) cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

+ 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC (trước đó), mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

+ Tỷ lệ người dân thực hiện các dịch vụ công trực tuyến và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử tối thiểu đạt 50% so với tổng số hồ sơ tiếp nhận; tối thiểu từ 80% trở lên hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử; 100% hồ sơ TTHC đã giải quyết thành công được số hóa, lưu trữ và có giá trị tái sử dụng.

+ Điện tử hóa việc giám sát, đánh giá kết quả tiếp nhận, giải quyết TTHC làm cơ sở đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, CBCCVC công khai, minh bạch, hiệu quả.

+ 90% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

+ 100% TTHC (đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, trong đó, tối thiểu 70% dịch vụ có hồ sơ nộp trực tuyến; tối thiểu 60% hồ sơ được nộp bằng hình thức trực tuyến/tổng số hồ sơ tiếp nhận. 100% dịch vụ công (mức độ 3, 4) phổ biến của tỉnh liên quan đến nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

+ Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

- Đến năm 2030:

+ 100% TTHC, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên.

+ 100% TTHC (đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

+ 90% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt 98%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt 90%.

## 2.2. Nhiệm vụ

- Kiểm soát chặt chẽ việc công bố mới, bãi bỏ TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm TTHC được công bố mới đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, trọng tâm là TTHC thuộc các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, đầu tư, ... và các TTHC thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn.

- Rà soát, đơn giản hóa TTHC:

+ Rà soát, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện; kiến nghị, đề xuất

loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; kiến nghị, đề xuất loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý.

+ Rà soát, thống kê và đề xuất các giải pháp nhằm đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Vận hành và khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Hoàn thành đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết TTHC theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát Nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây nhùng nhịu, tiêu cực, phiền hà cho Nhân dân.

- Tăng cường đối thoại, lắng ý kiến người dân, doanh nghiệp nhằm đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, TTHC.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

#### **3.1. Mục tiêu**

Thực hiện đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ việc rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh, kiện toàn cơ cấu tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước; sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, tinh gọn hệ thống tổ chức cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước, tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc, tạo sự năng động, linh hoạt, sáng tạo trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

- Đến năm 2025:

+ Hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính các cấp (huyện, xã, ấp, khóm) trên địa bàn tỉnh theo tiêu chuẩn quy định.

+ Hoàn thành việc rà soát, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thuộc UBND cấp huyện trên cơ sở phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan.

+ Giảm 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021 trên địa bàn tỉnh.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

- Đến năm 2030:

+ Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính của tỉnh theo hướng giảm hợp lý số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện; giảm mạnh đầu mối các tổ chức trung gian.

+ Tiếp tục phân đầu giảm bình quân 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%

### 3.2. Nhiệm vụ

- Rà soát, xác định rõ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính phải thực hiện, những công việc cần phân cấp cho địa phương, cấp dưới thực hiện; công việc cần chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm; trên cơ sở đó thiết kế, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính của tỉnh phù hợp theo quy định của Trung ương.

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, phạm vi quản lý đa ngành, đa lĩnh vực của các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ tương đồng, trùng lặp để có giải pháp phù hợp và thực hiện kiện toàn, sắp xếp cơ cấu tổ chức, đảm bảo tinh gọn các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện.

- Tổng kết việc thí điểm hợp nhất, sáp nhập các cơ quan chuyên môn theo Kết luận số 34-KL/TW ngày 07/8/2018 của Bộ Chính trị về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

- Tiếp tục thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

- Sắp xếp, giảm tối đa các ban quản lý dự án, các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

- Sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật; thực hiện sắp xếp, sáp nhập tổ dân phố phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động.

- Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa các cấp trên địa bàn tỉnh, gắn với quyền hạn và trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện

nhiệm vụ quản lý nhà nước; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của UBND tỉnh về phân cấp quản lý.

- Nghiên cứu, triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính của tỉnh trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

#### **4. Cải cách chế độ công vụ**

##### **4.1. Mục tiêu**

Xây dựng nền công vụ của tỉnh chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, sáng tạo và thực tài. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức, cũng như thực hiện đầy đủ đúng quy định các chính sách, chế độ,... để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính.

- Đến năm 2025:

Xây dựng được đội ngũ CBCCVC của tỉnh có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực đã được phê duyệt.

- Đến năm 2030:

Xây dựng được đội ngũ CBCCVC chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ: 25% - 35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, UBND cấp huyện và tương đương; trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ngành, UBND cấp huyện và tương đương; 80% số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế; 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

##### **4.2. Nhiệm vụ**

- Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đội ngũ CBCCVC theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn, bảo đảm đồng bộ nhằm xây dựng đội ngũ CBCCVC có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển CBCCVC. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

- Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ CBCCVC các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

- Tiếp tục mở rộng và triển khai có hiệu quả việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng thuộc sở và tương đương.



- Tổ chức thực hiện và đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại CBCCVC theo quy định, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

- Tổ chức triển khai các văn bản quy định về chế độ tiền lương mới đối với CBCCVC theo lộ trình cải cách chính sách tiền lương.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; rà soát, hoàn thiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ công vụ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ CBCCVC gắn với vị trí việc làm.

- Thực hiện tốt việc quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bảo đảm giảm dần số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Đề ra các chính sách ưu đãi để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài trên địa bàn tỉnh.

## **5. Cải cách tài chính công**

### **5.1. Mục tiêu**

Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

- Đến năm 2025:

+ Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Phần đầu, có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Đến năm 2030:

Hoàn thiện đầy đủ và đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Phần đầu giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

## 5.2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu, đề xuất Trung ương sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước.

- Rà soát, đề xuất Trung ương ban hành và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm các quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi, phân phối thu nhập bổ sung; thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công.

- Đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ...

- Triển khai thực hiện các chính sách khuyến khích thành lập đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.

- Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư và chi thường xuyên.

## **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

### 6.1. Mục tiêu

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

- Đến năm 2025:

+ 100% cơ quan sử dụng Cổng dịch vụ công của tỉnh (hoặc hệ thống thông tin một cửa điện tử của ngành) thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (đối với tất cả các TTHC) theo quy định Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; thực hiện TTHC trên môi trường điện tử đúng quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

+ 90% hồ sơ công việc tại tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên iOffice (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

+ 100% cơ quan thực hiện Công tác văn thư trên iOffice đúng quy định Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ.

+ 100% cơ quan phát hành văn bản bằng hình thức điện tử (không gửi văn bản giấy) đối với các loại văn bản theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 5032/UBND-HCQT ngày 10/12/2020.

+ 100% công chức, viên chức có thẩm quyền ký văn bản và sử dụng con dấu của cơ quan, cán bộ phụ trách tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ được cấp chứng thư số cá nhân.

+ 100% cơ quan hành chính nhà nước (sau đây viết tắt là CQHCCN) áp dụng ISO điện tử.

+ 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội (không bao gồm nội dung mật) phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được thực hiện qua Hệ thống báo cáo của UBND tỉnh, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

+ 75% số cuộc họp (họp, hội nghị, tập huấn, tuyên truyền) có đại biểu từ 02 cấp hành chính trở lên (tỉnh - huyện; tỉnh - huyện - xã; tỉnh - xã; huyện - xã) được tổ chức bằng hình thức trực tuyến.

+ 75% số cuộc họp tập trung (họp, hội nghị, tập huấn, tuyên truyền) áp dụng hình thức họp không giấy (sử dụng tài liệu điện tử, không in tài liệu giấy).

+ Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến (sau đây viết tắt là DVCTT): 100% TTHC (đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; trong đó tối thiểu 70% dịch vụ có hồ sơ nộp trực tuyến; tối thiểu 60% hồ sơ được nộp bằng hình thức trực tuyến/tổng số hồ sơ tiếp nhận. 100% dịch vụ công (mức độ 3, 4) phổ biến của tỉnh liên quan đến nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

+ Trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng DVCTT.

+ 100% kết quả giải quyết TTHC được số hóa đúng quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

+ 100% giao dịch trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (gồm hệ thống thông tin một cửa điện tử của ngành) được xác thực điện tử.

+ Phấn đấu 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của tỉnh (tối thiểu 40%).

+ Phấn đấu 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Đến năm 2030:

+ Phần đầu 100% DVCTT mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

+ Phần đầu 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

+ Phần đầu 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

## 6.2. Nhiệm vụ

- Hoàn thiện môi trường pháp lý:

+ Rà soát hoàn thiện các quy định, quy chế nhằm phát huy vai trò của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo triển khai, tổ chức sử dụng các hệ thống thông tin phục vụ trong CCHC, trách nhiệm của CBCCVC trong đổi mới lề lối, phương thức làm việc đảm bảo chủ yếu thực hiện qua mạng.

+ Ban hành các quy định, quy chế tổ chức triển khai, quản lý, vận hành, sử dụng các hệ thống thông tin Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

+ Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích người dân và doanh nghiệp tăng cường tham gia góp ý, giám sát hoạt động của CQNN, sử dụng các dịch vụ, tiện ích trực tuyến của tỉnh.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin:

+ Đầu tư bổ sung trang thiết bị, phần mềm, dịch vụ... nâng cấp Trung tâm dữ liệu của tỉnh, hệ thống thông tin tại CQHCCNN đảm bảo về năng lực lưu trữ, năng lực vận hành, bảo đảm an toàn thông tin (sau đây viết tắt là ATTT)... các hệ thống thông tin Chính quyền điện tử, hướng đến Chính quyền số.

+ Hoàn thiện mạng nội bộ (LAN) của các CQNN các cấp, đảm bảo tất cả máy tính của CQNN các cấp kết nối thông suốt với mạng TSLCD qua thiết bị bảo mật đã được đầu tư; ưu tiên sử dụng mạng TSLCD làm mạng truyền dẫn chính phục vụ triển khai, vận hành, cung cấp dịch vụ các hệ thống CNTT tại CQHCCNN các cấp.

+ Tổ chức triển khai chuyển đổi tất cả các hệ thống thông tin của UBND tỉnh (tên miền travinh.gov.vn) sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới - IPV6.

+ Đảm bảo trang bị thiết bị (máy vi tính, máy in, máy scan,...) đảm bảo CBCCVC khai thác các hệ thống thông tin đã được đầu tư.

- Phát triển các nền tảng Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

+ Xây dựng và phát triển nền tảng LGSP của tỉnh kết nối thông suốt với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) đảm bảo phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của tỉnh với nhau và với các hệ thống thông tin của cơ quan ngoài tỉnh theo điều phối, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành có liên quan.

+ Xây dựng, phát triển nền tảng Kho dữ liệu của tỉnh, tích hợp cơ sở dữ liệu tại CQHCNN các cấp hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (gồm các loại dữ liệu: người dân, doanh nghiệp, TTHC, danh mục dùng chung, hồ sơ CBCCVC, thông tin và truyền thông...) sẵn sàng chia sẻ dữ liệu cho tất cả các hệ thống thông tin có liên quan qua LGSP của tỉnh.

+ Triển khai thử nghiệm Ứng dụng nền tảng bản đồ số tích hợp cung cấp thông tin trên một số lĩnh vực (du lịch; đất đai; xây dựng; xúc tiến đầu tư vào các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh...).

- Phát triển dữ liệu cho Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

+ Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và phát triển Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh tích hợp thông tin, cơ sở dữ liệu của CQNN các cấp hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (gồm các loại dữ liệu: người dân, doanh nghiệp, TTHC, danh mục dùng chung, hồ sơ CBCCVC, thông tin và truyền thông...); đồng thời từng bước tạo lập và cung cấp cơ sở dữ liệu mở phục vụ tổ chức, cá nhân.

+ Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành, đảm bảo tuân thủ quy định của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của CQNN, tuân thủ Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh; tổ chức số hóa và cập nhật đầy đủ hồ sơ, tài liệu vào các cơ sở dữ liệu thuộc trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị. Ưu tiên xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin các ngành, lĩnh vực gồm: Y tế, giáo dục, nông nghiệp; giao thông vận tải và logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường...

+ Xây dựng và phát triển các công cụ khai thác, khai phá Kho dữ liệu dùng chung phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp; hoạt động quản lý, phân tích, dự báo của cơ quan, tổ chức nhà nước; giao tiếp trực tuyến giữa người dân, doanh nghiệp với CQNN trên các lĩnh vực. Ưu tiên xây dựng công cụ phục vụ tra cứu thông tin về TTHC, phản ánh hiện trường, thông tin doanh nghiệp, thông tin kinh tế - xã hội...

- Tiếp tục rà soát nâng cấp, hoàn thiện chức năng hệ thống Quản lý văn bản và điều hành - iOffice; tổ chức sử dụng đồng bộ Hệ thống iOffice theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư; theo dõi tình hình thực hiện ý kiến chỉ đạo cấp thẩm quyền giao; thực hiện nghiệp vụ lưu trữ điện tử tại lưu trữ cơ quan theo Quyết định 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Lưu trữ tài liệu điện tử của các CQNN giai đoạn 2020 - 2025”; nghiêm túc thực hiện phát hành văn bản điện tử có chữ ký số, không gửi văn bản giấy theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Rà soát nâng cấp, hoàn thiện chức năng Hệ thống thông tin báo cáo của UBND tỉnh đảm bảo kết nối thông suốt với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ; tổ chức thực hiện các báo cáo định kỳ qua hệ thống thông tin báo cáo của UBND tỉnh theo Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ

quy định về chế độ báo cáo của CQHCCN; có lộ trình chuyển dần từ báo cáo bằng văn bản giấy sang báo cáo điện tử.

- Xây dựng và phát triển các ứng dụng CNTT tại Trung tâm điều hành thông minh IOC của UBND tỉnh đảm bảo thông tin theo thời gian thực phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh và lãnh đạo CQHCCN các cấp và phục vụ cung cấp thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục rà soát nâng cấp, hoàn thiện chức năng Cổng dịch vụ công của tỉnh (hoặc hệ thống thông tin một cửa điện tử của ngành); tổ chức sử dụng đồng bộ các hệ thống thực hiện quy trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Tiếp tục rà soát tái cấu trúc quy trình để tích hợp, cung cấp DVCTT mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng dịch vụ công Quốc gia; đảm bảo cung cấp DVCTT mức độ 3, 4 đạt yêu cầu về số lượng, chất lượng theo chỉ đạo của Chính phủ; có biện pháp tuyên truyền, hỗ trợ phù hợp để tổ chức, cá nhân ưu tiên lựa chọn hình thức nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến.

- Xây dựng và phát triển Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) đảm bảo năng lực phục vụ công tác giám sát, điều hành, bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên phạm vi toàn tỉnh; đảm bảo SOC kết nối và chia sẻ thông tin thông suốt với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

### **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành cũng như vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện CCHC từ tỉnh đến cấp huyện, cấp xã; tăng cường trách nhiệm phối hợp trong triển khai các nội dung Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chương trình trong phạm vi quản lý của mình; xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ công tác; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và CBCCVC; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chương trình. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Coi trọng công tác thi đua, khen thưởng trong CCHC.

3. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho CBCCVC, người dân, doanh nghiệp và xã hội; tiếp tục phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính. Hàng năm xây dựng kế hoạch cụ thể đề ra các giải pháp, nhiệm vụ thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền.

4. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho CCHC; huy động và bố trí đủ CBCCVV có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Bên cạnh đó, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

5. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ gắn liền với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích CBCCVV hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC; thường xuyên đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức.

6. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả CCHC hàng năm của tỉnh. Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện Chương trình này thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí hợp pháp ngoài ngân sách của tỉnh để thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ CCHC.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Trách nhiệm chung của sở, ban, ngành tỉnh và UBND các cấp**

- Căn cứ Chương trình và yêu cầu nhiệm vụ của ngành, đơn vị, địa phương, xây dựng Kế hoạch CCHC hàng năm và quản lý, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện.

- Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và việc phân công thực hiện Chương trình, tổ chức xây dựng các đề án, dự án, nhiệm vụ CCHC để phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện đúng quy định, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

- Lập dự toán kinh phí thực hiện công tác CCHC trong dự toán ngân sách hàng năm gửi Sở Tài chính để tổng hợp, cân đối và trình cấp thẩm quyền phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các đơn vị, địa phương. Căn cứ dự toán ngân sách thực hiện CCHC được phê duyệt và nhiệm vụ CCHC được giao để thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ CCHC theo đúng quy định hiện hành.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) về tình hình, kết quả thực hiện công tác CCHC để xem xét, báo cáo Chính phủ, Bộ Nội vụ theo quy định.

## **2. Trách nhiệm cụ thể của các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan**

### **2.1. Sở Nội vụ**

- Là Cơ quan Thường trực tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai, cũng như đề ra các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Chương trình tổng thể CCHC của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai, thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách chế độ công vụ.

- Triển khai thực hiện phương pháp đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với dịch vụ hành chính do cơ quan hành chính nhà nước thực hiện.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức tham mưu, giúp việc về CCHC ở các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã.

- Phối hợp các cơ quan có liên quan triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch CCHC hàng năm, xây dựng báo cáo CCHC hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện Chương trình.

- Kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Chương trình, trình UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất.

### **2.2. Sở Tư pháp**

- Theo dõi, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.

- Chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai, thực hiện nhiệm vụ rà soát, hoàn thiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan thông tin truyền thông triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách thể chế.

### **2.3. Văn phòng UBND tỉnh**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai, thực hiện nội dung cải cách TTHC.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc phát triển, quản lý, vận hành Cổng Dịch vụ công tỉnh; Trực liên thông văn bản của địa phương; Hệ thống thông tin báo cáo của UBND tỉnh và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh.

- Chủ trì, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện đổi mới phương thức làm việc thông qua gửi, nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; tích hợp hệ thống thông tin báo cáo của địa phương với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.



#### 2.4. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực hiện nội dung cải cách tài chính công; cơ chế, chính sách về đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Chủ trì, hướng dẫn việc lập dự toán ngân sách, kinh phí thực hiện CCHC cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch CCHC.

#### 2.5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ về đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí từ ngân sách Trung ương cho các đề án trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm về CCHC của các cơ quan hành chính nhà nước.

#### 2.6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai nội dung phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh.

#### 2.7. Sở Y tế

- Tham mưu UBND tỉnh thực hiện đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện phương pháp đánh giá, đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với các dịch vụ y tế công.

#### 2.8. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu UBND tỉnh thực hiện đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo rà soát, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường, lớp mầm non, phổ thông,... đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và người lao động của ngành theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện phương pháp đánh giá, đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với các dịch vụ giáo dục công.

#### 2.9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tham mưu UBND tỉnh thực hiện đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực phụ trách.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai các quy định về cải cách chính sách tiền lương với người lao động trong các loại hình doanh nghiệp, chính sách bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công; phối hợp với Sở Nội vụ triển khai cải cách chính sách tiền lương cho CBCCCVC.

#### 2.10. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Tài chính thực hiện việc đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh.

#### 2.11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Thực hiện rà soát các cơ chế, chính sách xã hội hóa hiện hành, phối hợp với các cơ quan có liên quan đề xuất, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung để đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch phù hợp với điều kiện của tỉnh.

#### 2.12. Công an tỉnh

Triển khai, vận hành, khai thác và cập nhật có hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân. Chủ trì quản lý xác thực và định danh điện tử qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua Hệ thống do Bộ Công an xây dựng.

#### 2.13. Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện các chuyên trang, chuyên mục về CCHC để tuyên truyền có hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ, của tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh kịp thời nêu gương những tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện công tác CCHC./.